

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi
2. Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Hà Thị T - sinh năm 1992; cư trú tại: Khu 03, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-Bị đơn: Anh Đàm Văn L - sinh năm 1986; cư trú tại: Khu 02, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày: chị T và anh Đàm Văn L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04/12/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung cùng nhà với bố mẹ đẻ anh đến ngày 24/01/2014 thì vợ chồng ra ở riêng và làm ruộng tại xã Đ, huyện C. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nói cãi nhau. Ngày 25/12/2014, chị T về ở cùng nhà với mẹ đẻ của chị tại khu 03, xã Đ, huyện C. Khoảng tháng 11/2015 vợ chồng lại về chung sống với nhau. Ngày 25/8/2017, do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên vợ chồng sống ly thân cho đến

nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đàm Văn L.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2017, bị đơn là anh Đàm Văn Lịch trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như lời trình bày của chị Hà Thị T. Nay, chị T yêu cầu xin ly hôn, anh L đồng ý, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Đàm Quang H - sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Ly hôn, chị T và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Đàm Văn L bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ do các đương sự cung cấp cho thấy từ khoảng tháng 8/2014, do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên nói cãi nhau. Từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2015 vợ chồng đã một lần ly thân. Sau khi đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, nên từ ngày 25/8/2017 đến nay, vợ chồng tiếp tục sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T và anh L thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giằng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2]. Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và con chung còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, hiện chị T có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ của mẹ đẻ trong việc nuôi dưỡng con chung. Còn anh L làm nghề tự do,

thu nhập thấp và không ổn định. Do vậy, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Yêu cầu của anh L không có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu, nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Đàm Văn L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đàm Văn H - sinh ngày 09/6/2014 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.1. Anh Đàm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Hà Thị T không yêu cầu.

2.3. Chị Hà Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002566 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đồng Cam;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng